

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/DSST

Ngày 20/8/2026

*“Về việc: Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Siu Drênh.

2. Bà Nguyễn Thị Như Lộc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2026/TLST-DS, ngày 08/6/2026, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Sanh H, sinh năm 1973; số định danh cá nhân 052165001238;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố E, phường A, tỉnh Gia Lai) – có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Hồng H1, sinh năm 1970; số định danh cá nhân: 052065013087;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố H, phường A, tỉnh Gia Lai) – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Đơn khởi kiện, B tự khai và ý kiến tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Sanh H trình bày:** Tôi và bà Phạm Thị Hồng H1 có mối quan hệ hàng xóm láng giềng nên quen biết với nhau. Vào ngày 10/4/2022 tôi có cho bà H1 vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để bà giải quyết công việc riêng. Khi vay tiền thì bà H1 có viết cho tôi giấy mượn tiền và có ký tên vào bên mượn tiền đồng thời thỏa thuận miệng với tôi là khi nào tôi có việc cần thì báo trước cho bà và bà sẽ trả đủ cho tôi số tiền đã vay. Khi tôi có việc cần tiền để giải quyết công việc, tôi đã tìm gặp bà H1 để yêu cầu bà trả lại cho tôi số tiền đã vay nhưng bà cứ lấy hết lý do này đến lý do khác để khát hẹn và không chịu trả nợ. Gần đây bà H1 còn kiếm cớ tránh mặt, không chịu gặp tôi để bàn bạc việc

giải quyết công nợ. Chính vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Hồng H1 phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật (theo mức lãi suất Ngân hàng N công bố tại thời điểm bà H1 vay tiền) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện của tôi.

Tôi khẳng định là năm 2016 tôi không cho bà Phạm Thị Hồng H1 vay bất cứ khoản tiền nào như bà H1 khai. Việc bà H1 cho rằng tôi cho bà vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng để làm ăn vào năm 2016 là hoàn toàn không có. Chỉ có vào thời gian đầu năm 2022 bà H1 tới nhà gặp tôi và đặt vấn đề vay tiền để làm ăn thì tôi đồng ý và cho bà vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng. Khi nhận tiền thì bà H1 đã viết giấy cho tôi với nội dung mượn số tiền nói trên và thỏa thuận khi nào tôi cần lấy lại tiền thì báo trước vài ngày để bà thu xếp trả nợ chứ hoàn toàn không có việc tôi ép bà H1 phải ghi giấy mượn tiền (thực tế bà H1 cũng chỉ nói là vay trong thời gian ngắn, có thể là chỉ vài ngày rồi bà thu xếp trả lại cho tôi). Số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tôi cho bà H1 vay là tiền mặt, tôi giao cho bà nhận trực tiếp số tiền này chứ không hề ghi gộp lãi và gốc rồi bắt bà H1 phải nhận nợ như bà H1 khai. Tuy nhiên, sau khi vay tiền bà H1 không trả lãi và cũng không trả nợ gốc cho tôi mặc dù tôi đã báo trước và đòi nhiều lần. Sau đó, đến cuối tháng 11 âm lịch năm 2022 (gần Tết âm lịch) thì bà H1 được người nhà cho 1.000.000đ (Một triệu đồng) để trả cho tôi và tôi có ghi vào phía bên dưới nội dung ghi nợ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nói trên dòng chữ “29/11 thấy trả cho chị H1 1.000.000 đồng”. Như vậy, việc bà H1 cho rằng chỉ vay của tôi số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng là vô lý, tôi không chấp nhận. Tôi khẳng định là đã cho bà H1 vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng nhưng bà chưa trả lãi cho tôi mà mới chỉ trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng) nợ gốc như tôi đã trình bày ở trên. Tôi xác định hiện nay bà H1 chỉ còn nợ tôi số tiền còn lại là 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng) tiền nợ gốc và tôi yêu cầu bà H1 phải trả đủ cho tôi số tiền này. Do hoàn cảnh bà H1 cũng khó khăn, chồng mất sớm nên tôi thông cảm và không yêu cầu bà phải trả tiền lãi cho tôi nữa.

***Bị đơn trong vụ án là bà Phạm Thị Hồng H1 trình bày:** Trước đây, vào năm 2016 (tôi không nhớ cụ thể ngày tháng) tôi có vay của bà Nguyễn Thị Sanh H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng để làm ăn. Thời hạn vay hai bên thống nhất là khi nào bà H cần thì báo trước để tôi thu xếp trả nợ và khi đó tôi có viết cho bà H 01 giấy mượn tiền ghi rõ nội dung này. Sau khi vay tôi đã trả lãi cho bà H được khoảng 02 năm thì không trả nữa do tôi làm ăn bị thất bại, không có tiền trả. Đến đầu năm 2022 (tôi cũng không nhớ cụ thể ngày tháng) bà H đến gặp tôi và ép tôi phải ghi cho bà 01 tờ giấy có nội dung là tôi mượn của bà số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do sức ép của bà H nên tôi phải viết giấy mượn số tiền này chứ thực tế tôi biết số tiền này bao gồm cả số tiền nợ gốc tôi đã vay trước đó và tiền lãi do bà H tự tính rồi bắt tôi ghi gộp lại như vậy. Sau đó một thời gian thì tôi được người nhà cho 1.000.000đ (Một

triệu đồng) để trả cho bà H và bà có ghi vào phía bên dưới nội dung ghi nợ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nói trên (chính là tờ giấy nợ mà bà H đã sử dụng để kiện tôi) dòng chữ “29/11 thầy trả cho chị H1 1.000.000 đồng”. Thời gian đó bà H liên tục thúc ép, đòi tôi trả nợ nhưng tôi không có khả năng nên chỉ khát hèn chứ ngoài 1.000.000 đồng đó thì tôi chưa trả thêm cho bà H được số tiền nào khác. Nay bà H kiện tôi để đòi số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thì ý kiến của tôi là đề nghị Tòa án yêu cầu bà H phải xuất trình tờ giấy ghi nợ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng mà tôi đã viết cho bà H trước đây để làm rõ bản chất của số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nói trên. Tôi khẳng định là chỉ nợ bà H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) chứ không phải tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) như bà H kiện. Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi cũng đề nghị bà H cho tôi trả dần số nợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nhưng khi nào trả và trả như thế nào thì tôi cũng chưa có phương án cụ thể. Nếu bà H không đồng ý thì tôi đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc để bảo vệ quyền lợi cho tôi.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa như sau: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, cơ bản không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Sanh H đối với bà Phạm Thị Hồng H1;

- Buộc bà Phạm Thị Hồng H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Sanh H số tiền nợ gốc là 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng).

- Bà Phạm Thị Hồng H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; bà Nguyễn Thị Sanh H được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Sanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà với bà Phạm Thị Hồng H1, bà H1 có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố H, phường A, tỉnh Gia Lai) nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” và Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy

định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án: Do có quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 10/4/2022, bà Nguyễn Thị Sanh H có cho bà Phạm Thị Hồng H1 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Khi vay tiền, bà H1 có viết cho bà H một Giấy mượn tiền và có ký vào bên mượn tiền đồng thời hai bên thỏa thuận miệng với nhau là khi nào bà H cần lấy lại số tiền trên thì báo trước cho bà H1 để bà H1 thu xếp trả nợ. Sau đó, bà H đã nhiều lần tìm gặp bà H1 để yêu cầu trả nợ nhưng bà H1 không chịu trả hết số nợ cho bà H mà mới chỉ trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng). Nhận thấy việc bà H1 không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật (theo mức lãi suất Ngân hàng N công bố tại thời điểm bà H1 vay tiền) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện bà H chỉ yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng), bà H không yêu cầu bà H1 phải trả lãi nữa.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Sanh H, thấy rằng: Khi khởi kiện, bà H đã giao nộp cho Tòa án một giấy mượn tiền bản gốc và bà Phạm Thị Hồng H1 thừa nhận nội dung ghi trong giấy là do bà viết và ký tên. Đây chính là chứng cứ có giá trị chứng minh giữa bà H với bà H1 đã xác lập giao dịch dân sự về việc vay tài sản. Giao dịch này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực do đó các bên tham gia giao dịch phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đúng những cam kết đã thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì bà H1 đã vi phạm cam kết, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Sau nhiều lần bà H yêu cầu thì bà H1 mới trả cho bà H được 1.000.000đ (Một triệu đồng) và còn nợ lại 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng). Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng) là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn trong vụ án là bà Phạm Thị Hồng H1 tuy có thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 10/4/2022 là do bà viết và ký tên nhưng bà H1 cho rằng bà không vay của bà H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) ghi trong giấy. Lý do thì bà H1 cho rằng vào năm 2016 (bà không nhớ cụ thể ngày tháng) bà có vay của bà Nguyễn Thị Sanh H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng để làm ăn. Thời hạn vay hai bên thống nhất là khi nào bà H cần thì báo trước để bà H1 thu xếp trả nợ và khi đó bà H1 có viết cho bà H 01 giấy mượn tiền ghi rõ nội dung này. Sau khi vay, bà H1 đã trả lãi cho bà H được khoảng 02 năm thì không trả nữa do làm ăn bị thất bại, không có tiền trả. Đến đầu năm 2022 (bà H1 cũng không nhớ cụ thể ngày tháng) bà H đến gặp bà H1 và ép bà H1 phải ghi cho bà H 01 tờ giấy có nội dung là bà H1 mượn của bà H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Cũng theo bà H1 thì do sức ép của bà H nên bà H1 phải

viết giấy mượn số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) này chứ thực tế đây là bao gồm cả số nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bà H1 đã vay trước đó và tiền lãi do bà H tự tính rồi bắt bà ghi gộp lại như vậy. Sau khi viết giấy mượn số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) đó một thời gian thì bà H1 được người nhà cho 1.000.000đ (Một triệu đồng) để trả cho bà H và bà H1 có ghi vào phía bên dưới nội dung ghi nợ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nói trên dòng chữ “29/11 thầy trả cho chị H1 1.000.000 đồng”. Bà yêu cầu bà H phải xuất trình tờ giấy ghi nợ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng mà bà đã viết cho bà H trước đây để làm rõ bản chất của số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nói trên. Bà H1 khẳng định là chỉ nợ bà H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) chứ không phải tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) như bà H kiện.

Tuy nhiên, bà H1 không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh lời khai đó của mình. Mặt khác, nguyên đơn là bà H cũng không chấp nhận lời trình bày đó của bà H1, bà H khẳng định là chỉ cho bà H1 vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng nhưng bà H1 chưa trả lãi cho bà mà mới chỉ trả được 1.000.000đ (Một triệu đồng) như bà đã trình bày, không có lần nào bà cho bà H1 vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 6%/tháng như bà H1 khai và cũng không có giấy mượn tiền ghi nhận số nợ này. Chính vì vậy, đủ cơ sở để xác định lời khai bà H1 là thiếu căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi khởi kiện, bà H yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật (theo mức lãi suất Ngân hàng N công bố tại thời điểm bà H1 vay tiền) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện bà H chỉ yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng), ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Xét đây là sự tự nguyện của bà H, không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 144, 147, 227, 235, 244, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Sanh H.

- Buộc bà Phạm Thị Hồng H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Sanh H số tiền nợ gốc là 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà Phạm Thị Hồng H1 phải chịu 9.950.000đ (Chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Sanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00006031, ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai
(Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Huy Viễn